

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 7 – 2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con  
chung và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Lam Minh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Mạch Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn N, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10, xã Thuận Hưng, huyện LM, tỉnh HG.

**2. Bị đơn:** Chị Lâm Khánh L, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn N (gọi tắt là anh N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Lâm Khánh L (gọi tắt là chị L) có tổ chức lễ cưới và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, anh chị đã không còn sống chung với nhau khoảng 06 tháng nay. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, vì vậy anh Năm yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh N khai vợ chồng anh chị có 02 con chung, cháu tên Lâm Chánh N (giới tính: nam), sinh ngày 02/3/2000 và cháu Lâm Đảm X (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2015, hiện cháu N đã trưởng thành, cháu X hiện nay đang sống chung với chị L. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi cháu X, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lâm Khánh L (gọi tắt là chị L) trình bày:*

Chị Ly thừa nhận vợ chồng có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L cho rằng vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, cuộc sống của vợ chồng diễn ra bình thường, từ trước đến nay vợ chồng ít sống chung với nhau anh N lâu lâu về thăm nhà vài ngày thì đi, nguyên nhân anh N yêu cầu ly hôn là do anh N có tình cảm với người khác nên mới đòi ly hôn. Nay anh N yêu cầu ly hôn thì chị L không đồng ý, chị L yêu cầu được đoàn tụ lại vì còn thương anh N.

Về con chung: Chị L thống nhất vợ chồng có 02 con chung, cháu tên Lâm Chánh N, sinh năm 2000 và cháu Lâm Đảm X, sinh ngày 11/7/2015, hiện cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu, cháu X hiện nay đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L cũng có yêu cầu được nuôi cháu Đảm X, yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng 01 lần đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị L, con chung theo ai thì người đó nuôi dưỡng, anh N không đồng ý cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị L không đồng ý ly hôn với anh N, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị L yêu cầu được nuôi cháu Đảm X, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng 01 lần cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận chị L và anh N là vợ chồng.

- Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L, cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Đảm X (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2015, hiện cháu X đang sống chung với chị L, đối với cháu Lâm Chánh N đã trưởng thành nên xem xét. Buộc nguyên đơn anh Phạm Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phạm Văn N theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn chị Lâm Khánh L, chị L có yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh N, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 1999 anh N và chị L có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân trong thời gian dài, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc, dẫn đến không còn sống chung với nhau khoảng 06 tháng nay. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung anh chị không có đăng ký kết hôn nên vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh N có yêu cầu xin ly hôn với chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết đối với quan hệ chung sống như vợ chồng của anh N và chị L. Theo khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng.”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh Phạm Văn N và chị Lâm Khánh L là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu tên Lâm Chánh N (giới tính: nam), sinh ngày 02/3/2000 và cháu Lâm Đảm X (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2015, đối với cháu N hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu, còn cháu Đảm X hiện nay sống chung với chị L. Anh N và chị L đều có yêu cầu được nuôi cháu X. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo kết quả xác minh tại địa phương xác định từ khi sinh ra thì con chung sống với vợ chồng anh chị nhưng từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay thì cháu X sống với chị L, ngoài ra cháu X là nữ giới nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu, nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lâm Đảm X (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2015 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị Lâm Khánh L yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng một lần cho đến khi cháu Xuân tròn 18 tuổi, anh N không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L. Căn cứ tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.”*. Do đó, có cơ sở buộc anh Phạm Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lâm Đảm X là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị L cho rằng anh N có thu nhập ổn định và có điều kiện cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng/ tháng, căn cứ tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”*. Tại phiên tòa, anh N và chị L thống nhất hiện nay anh N đang là bảo vệ tại Trường Trung học phổ thông Tây Đô, mức lương là 3.200.000 đồng/tháng, còn chị L là tạp vụ tại Trường, mức lương là 2.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị cũng có mua bán thêm để tăng thu nhập. Do đó, hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện nuôi con chung của anh N và chị L là như nhau, tuy nhiên nghĩa vụ

nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là nghĩa vụ chung của vợ chồng và cũng để đảm bảo khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng.

[2.4]. Về tài sản chung: Anh N và chị L khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Anh N và chị L khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh N phải nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh N phải nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Văn N và chị Lâm Khánh L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Lâm Đảm X (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2015 cho chị Lâm Khánh L được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu X đang sống chung với chị L.

Về cấp dưỡng: Anh Phạm Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Đảm X (giới tính: nữ), sinh ngày 11/7/2015 mỗi tháng là 745.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu X tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuy án sơ thẩm (ngày 08/7/2021).

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phạm Văn N không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phạm Văn N phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006771 phiếu lập ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Xà Phiên;
- UBND xã Thuận Hưng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Ngoan**